**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Số:**

 **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

 **BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG**

|  |  |
| --- | --- |
| CHÚ Ý: | 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.
 |

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện/ Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực…

|  |  |
| --- | --- |
| **1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ**  |  |
| * 1. Số Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (đối với cá nhân):……...……

Ngày cấp: ………………………. Có giá trị đến: ……………………………………………..Địa chỉ thường trú: ………………………………….……………………………………………. |
| * 1. Mã số thuế (đối với tổ chức):………………………………………………………………………

Địa chỉ trụ sở chính: ………………………………….…………….……………………………..Cơ quan quản lý thuế: ………………………………….………………………………………… |
| 1.3. Địa chỉ liên lạc: …………………………………………………………………………………. |
| 1.4. Số điện thoại liên hệ :…………………………………………………………………………...... |
| 1. **ĐĂNG KÍ TÀI KHOẢN TRỰC TUYẾN** (nếu có nhu cầu và chỉ kê khai thông tin này đến khi phải sử dụng tài khoản định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định)
 |
| Số điện thoại di động: ………………… Email:…………………………………………........... |
| **3. HÌNH THỨC NHẬN KẾT QUẢ**  |  Trực tiếp  Dịch vụ bưu chính  Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến  Trực tuyến qua hình thức trực tuyến khác:…………  |
| **4. NỘP PHÍ SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN** (đối với thời hạn đề nghị cấp phép trên 12 tháng) |
|  01 (một) lần cho toàn bộ thời gian cấp phép  |
| **5. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ (tại mục 1) CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:**5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư, người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên đài tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định.5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và quy định pháp luật có liên quan.5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định. |
|  | *……, ngày….. tháng….. năm…….***QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ***(Chữ ký của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền* *đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu đối với tổ chức)***Họ và tên** |

**HƯỚNG DẪN**

**KÊ KHAI BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG**

**I. PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:**

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.

- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng cụ thể).

- Không tẩy xoá các số liệu kê khai.

- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.

- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

**Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông**, **115 Trần Duy Hưng – Trung Hòa – Cầu giấy - Hà Nội**

Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

**Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Khu vực 1**: 115 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội.Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564913 | **Khu vực 5**: Số 783, Đại lộ Tôn Đức Thắng, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng.Điện thoại: 0225.3827857 / Fax: 0225.3827420 |
| **Khu vực 2:** Số 45 đường Trần Lựu, khu phố 5, phường An Phú, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.Điện thoại: 028.37404179; Fax: 028.37404966 | **Khu vực 6**: Số 364, đường Lê Nin, phường Hưng Phúc, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An.Điện thoại: 0238.3833511; Fax: 0238.3849518 |
| **Khu vực 3**: Số 539, đường Trần Hưng Đạo, phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng.Điện thoại: 0236.3933545; Fax: 0236.3933707 | **Khu vực 7**: Tổ 6 thôn Phú Trạch, xã Vĩnh Thạnh, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.Điện thoại: 0258.3892567; Fax: 0258.3824410. |
| **Khu vực 4**: Số 170, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ. Điện thoại: 0292.3832760; Fax: 0292.3887087 | **Khu vực 8:** Phường Dữu Lâu, Tp. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.Điện thoại: 0210.3840503/ 0210.3840507/ 0210.3840504 Fax: 0210. 3840504. |

**II. PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bản khai thông tin chung** | Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sửa đổi, bổ sung nội dung trong giấy phép. |
| Số: | Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép. |
| Mục 1. | Viết họ và tên cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin ghi trên Căn cước công dân/Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu) hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép (chính xác theo thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức). Khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa.*Nếu là cá nhân đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.1.* *Nếu là tổ chức đề nghị cấp phép chuyển sang kê khai mục 1.2.* |
| Mục 1.1. | Kê khai các thông tin chính xác theo Căn cước công dân/ chứng minh nhân dân/ hộ chiếu đối với cá nhân  |
| Mục 1.2. | Kê khai các thông tin chính xác theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế của tổ chức. |
| Mục 1.3. | Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân/ tổ chức khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để Cơ quan quản lý gửi kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp không kê khai, mặc định là trùng với địa chỉ trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. |
| Mục 1.4. | Kê khai số điện thoại liên hệ của tổ chức/cá nhân đề nghị cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép để Cơ quan quản lý gửi các thông tin hỗ trợ. |
| Mục 2. | Kê khai email và số điện thoại di động của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nếu có nhu cầu để Cơ quan quản lý cấp tài khoản điện tử, đồng thời để gửi các thông tin hỗ trợ. Chỉ kê khai thông tin tại mục này cho đến thời điểm bắt buộc sử dụng mã định danh điện tử để thực hiện thủ tục hành chính trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo quy định của pháp luật. |
| Mục 3. | Tổ chức, cá nhân lựa chọn một trong bốn hình thức nhận kết quả xử lý hồ sơ:- Đánh dấu "X" vào ô "Trực tiếp" thì kết quả giải quyết hồ sơ được trả tại các địa điểm trả kết quả theo quy định.- Đánh dấu "X" vào ô "Dịch vụ bưu chính" thì kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi trả cho tổ chức, cá nhân qua đường bưu chính theo địa chỉ liên lạc tổ chức, cá nhân kê khai tại mục 1.3. - Đánh dấu "X" vào ô “Trực tuyến qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến” thì kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc các hình thức trực tuyến khác đối với tổ chức, cá nhân có tài khoản trên Cổng dịch vụ công trực tuyến. - Đánh dấu "X" vào ô “Trực tuyến qua phương thức điện tử khác” và điền thông tin phương thức điện tử khác nhận kết quả ví dụ email, zalo,…. Kết quả giải quyết hồ sơ nhận trực tuyến qua phương thức điện tử do tổ chức, cá nhân cung cấp.Trường hợp không đánh dấu vào nội dung nào kết quả giải quyết hồ sơ sẽ được gửi qua Dịch vụ bưu chính. |
| Mục 4 | Đối với thời gian đề nghị cấp phép từ 12 tháng trở xuống mặc định tổ chức, cá nhân phải nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.Đối với thời gian đề nghị cấp phép trên 12 tháng:* Đánh dấu “X” vào ô 01 (một) lần nếu tổ chức, cá nhân đồng ý nộp 01 (một) lần phí sử dụng tần số vô tuyến điện cho toàn bộ thời hạn của giấy phép được cấp.
 |
| Ký tên, đóng dấu | * Trường hợp nộp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính

+ Ký tên của cá nhân đề nghị cấp phép đối với cá nhân, hộ kinh doanh+ Ghi chức danh quyền hạn, ký và ghi rõ họ tên của người ký, đóng dấu của tổ chức đề nghị cấp phép - Trường hợp nộp hồ sơ qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến không phải ký số đối với cá nhân, hộ kinh doanh đề nghị cấp phép; không phải ký số của người có thẩm quyền và chữ ký số của tổ chức đối với tổ chức đề nghị cấp phép ở mục này. |

**BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1a**

|  |
| --- |
| Áp dụng đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m **Cấp € Sửa đổi, bổ sung nội dung cho giấy phép số …………..****Tờ số: ……………/tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác: ………….** |
| **1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG THEO QUY ĐỊNH**  | Số  |  | Ngày cấp |  |
| Thời hạn  | từ ngày đến ngày |
| **2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG**  |  |
| **3.** **THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP (đối với cấp)** |
|  1 năm 2 năm 3 năm 10 năm Khác ………………  Khác:………………………. |
| **4. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN** |
| 4.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất  |  |
| 4.2. Các mức công suất phát (W) |  |
| 4.3. Ký hiệu phát xạ  |  |
| 4.4. Độ rộng kênh (nếu có) |  |
| 4.5. Dải tần thiết bị  | Phát  |  |
| Thu  |  |
| 4.6. Tần số phát/thu đề nghị (nếu có) |  |
| 4.7. Độ nhạy máy thu (dBm) (nếu có) |  |
| 4.8. Tên/mã trạm đề nghị (nếu có) |  |
| 4.9. Đối tượng liên lạc (nếu có) |  |
| 4.10. Địa điểm đặt  |  Di động Cố định: Kinh độ:............. E/ Vĩ độ : …….N |
| Số nhà, đường phố (thôn xóm), phường/xã: |
| Quận/ huyện: | Tỉnh/thành phố: |
| 4.11. Thiết bị trong mạng (đối với Đài bờ) | Số lượng thiết bị chính |  |
| Số lượng thiết bị dự phòng |  |
| 4.12. Thông tin sửa đổi, bổ sung |  Bổ sung Hủy bỏ Thay thế cho thiết bị ………………….  |
| **5. ĂNG-TEN** |
| 5.1. Kiểu (Nhãn hiệu)  |  | 5.2. Dải tần làm việc |  |
| 5.3. Hệ số khuếch đại (dBi) |  | 5.4. Phân cực |  |
| 5.5. Hướng tính |  ND  D Góc phương vị  của hướng bức xạ  chính (o): ………  | 5.6. Độ cao so với mặt đất (m) |  |
| **6.** **TỔN HAO (dB)** (nếu có) |  |
| **7. CÁC THÔNG TIN KHÁC (nếu có)** |  |

**Hướng dẫn kê khai Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a**

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đã được cấp đối với các thiết bị vô tuyến điện không thuộc các mẫu 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g1, 1g2, 1h, 1i, 1m.

- Đánh dấu “X” vào ô “Cấp” nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép lần đầu hoặc không đủ điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép. Đánh dấu “X” vào ô “Sửa đổi, bổ sung” và điền số giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép.

* Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi đề nghị cấp. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a được dùng để kê khai cho 01 (một) loại thiết bị (kê khai tên thiết bị). Có thể dùng nhiều tờ bản khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị khác nhau. Các thiết bị cùng loại, có thông số giống nhau kê khai 01 (một) lần và ghi rõ số lượng thiết bị bên cạnh. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.
* Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi bổ sung, sửa đổi theo từng giấy phép. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần kê khai.

**1. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG**

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép nếu thuộc đối tượng phải có giấy phép viễn thông theo quy định về viễn thông.

**2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG**

Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

1. **THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**

Đánh dấu “X” vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: “3 năm 2 tháng” hoặc “từ ngày 27/02/2023 đến ngày 25/4/2026” (ghi theo ngày/tháng/năm). Chỉ kê khai đối với trường hợp cấp. Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép đồng thời muốn gia hạn thì hồ sơ phải có thêm Bản khai cấp đổi, gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo mẫu quy định.

1. **THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN**

4.1. Kê khai tên thiết bị phát hoặc ký hiệu (model) của thiết bị, hãng sản xuất thiết bị.

* 1. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo của thiết bị như: công suất lớn nhất, công suất nhỏ nhất, các mức công suất khác,...
	2. Kê khai các ký hiệu phát xạ đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E;304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...
	3. Kê khai độ rộng kênh tần số mà thiết bị có thể hoạt động (không bắt buộc).
	4. Kê khai dải tần số phát, thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.
	5. Kê khai tần số phát/ thu theo mong muốn được sử dụng (không bắt buộc).
	6. Kê khai độ nhạy máy thu đối với thiết bị thu hoặc thiết bị thu phát theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Không bắt buộc.
	7. Kê khai tên/mã trạm do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc, hoặc đề nghị theo dãy hô hiệu được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng. Trường hợp không đề nghị tên/mã trạm sẽ do cơ quan cấp giấy phép quy định.
	8. Kê khai tên/mã trạm của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với thiết bị vô tuyến điện/ đài vô tuyến điện đang đề nghị cấp phép.
	9. Địa điểm đặt thiết bị:
* Đánh dấu “X” vào ô “Cố định” đối với thiết bị đặt cố định. Khai đầy đủ địa chỉ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh) và kê khai kinh độ, vĩ độ theo định dạng độ, phút, giây hoặc độ thập phân của địa điểm đặt.
* Đánh dấu “X” vào ô “Di động” đối với thiết bị di động khi hoạt động. Kê khai phạm vi di động của thiết bị theo địa chỉ hành chính ví dụ di động trên địa bàn tỉnh A hoặc huyện B tỉnh A, xã C huyện B tỉnh A,…

4.11. Chỉ kê khai đối với đài bờ

- Số lượng thiết bị chính: kê khai số lượng thiết bị chính trong mạng

- Số lượng thiết bị dự phòng: kê khai số lượng thiết bị dự phòng trong mạng

4.12. Chỉ kê khai đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung giấy phép liên quan đến các trường thông tin thuộc Mục 4

* Đánh dấu “X” vào ô “Bổ sung” đối với trường hợp thêm thiết bị mới vào mạng và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.
* Đánh dấu “X” vào ô “Huỷ bỏ” đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.
* Đánh dấu “X” vào ô “Thay thế cho thiết bị” và điền tên thiết bị cũ đã được cấp phép và khai đầy đủ các thông số thuộc Mục 4.
1. **ĂNG-TEN**

Kê khai tất cả các Mục từ 5.1 đến 5.6 đối với thiết bị vô tuyến điện có ăng-ten rời, không tích hợp trên thiết bị. Đối với ăng-ten tích hợp cùng thiết bị chỉ yêu cầu kê khai Mục 5.2 và 5.6 các mục khác không bắt buộc.

* 1. Kê khai tên, ký hiệu theo tài liệu kĩ thuật (VD: DB404, AD-22/C, …). Trong trường hợp trên ăng - ten không hiển thị rõ tên ăng-ten thì phải ghi rõ loại ăng - ten (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipole, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)
	2. Kê khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được theo thiết kế.
	3. Kê khai hệ số khuếch đại theo thiết kế tính theo đơn vị dBi.
	4. Kê khai phân cực của ăng-ten theo thiết kế. Ví dụ: thẳng, đứng, ngang, tròn,...
	5. Đánh dấu “X” vào các ô tương ứng: ND là ăng-ten với vô hướng, D là ăng-ten có hướng và kê khai là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ
	6. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo đơn vị mét (m).
1. **TỔN HAO**

Kê khai tổn hao của hệ thống tính theo đơn vị dB bao gồm tổn hao phi đơ (fider) của hệ thống ăng-ten, tổn hao của kết nối (connector). Mặc định là 0 dB nếu không kê khai.

1. **CÁC THÔNG TIN KHÁC**

Kê khai các thông tin ngoài các trường thông tin trên nếu có.